

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2026/HS-ST
Ngày: 18-9-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Khánh

Thẩm phán: Ông Trần Thanh Tòng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Kiều Thị Kim Dung

Ông Võ Văn Cẩm

Ông Vũ Tuấn Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Phương Vân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 99/2026/TLST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2026/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Minh S, sinh ngày 07/02/1993, tại tỉnh Tây Ninh; căn cước công dân số: 072093003065; nơi cư trú: khu phố L, phường H, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không có; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1969 và bà Trang Thị Thu H, sinh năm 1969; vợ Nguyễn Hồng T, sinh năm 1995 (đã ly hôn); con 01 người, sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không có;

Bị cáo Nguyễn Minh S bị bắt tạm giam từ ngày 13/4/2026 đến nay tại Trại tạm giam số 1 - Công an tỉnh T (có mặt).

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Trần Hữu T1 – Thành viên Đoàn luật sư tỉnh T (có mặt).

- Người bị hại:

1. Ông Võ Thanh L, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp L, xã A, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. Bà Bạch Thị H1, sinh năm 1979. Địa chỉ: Khu phố T, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Ông Lê Vũ N, sinh năm 2000. Địa chỉ: Ấp F T, xã B, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

4. Bà Lê Thị D, sinh năm 1980 (có mặt).

5. Ông Võ Thiên S1, sinh năm 1965 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số A, đường số H, khu phố A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Trần Quang N1, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khu phố L, phường H, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Nguyễn Hồng T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp B, xã B, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Lê Phan Hoàng V, sinh năm 2003. Địa chỉ: Khu phố F, phường T, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Nguyễn Trọng N2, sinh năm 2003. Địa chỉ: Khu phố B, phường T, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 2000. Địa chỉ: Số G, hẻm E, khu phố B, phường T, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. Nguyễn Minh T2, sinh năm 2002. Địa chỉ: Số I, khu phố H, phường T, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

7. Ngân hàng TMCP V1 (V2) – Chi nhánh Thành phố H.

Địa chỉ: Số A H, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Cao Mạnh Gia B, sinh năm 2002 – chuyên viên xử lý nợ của Ngân hàng (Theo văn bản uỷ quyền ngày 10/9/2026, có mặt).

Địa chỉ: Số D, đường N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người làm chứng:* Đinh Thị Thúy L1, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ B, Khu phố N, phường N, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2024, Nguyễn Minh S tham gia hỗ trợ lực lượng Công an T giải cứu các nạn nhân bị bán sang Campuchia thông qua mối quan hệ với người đàn ông người Campuchia tên “Ku Man”. Đến gần cuối năm 2024, S không còn liên hệ được với ông “Ku Man” và cũng không còn tham gia hỗ trợ lực lượng Công an nhưng vì cần tiền tiêu xài, S nảy sinh ý định dùng uy tín trước đây để

thành lập tổ chức giải cứu nạn nhân bị bán sang Campuchia để lừa đảo chiếm đoạt tiền của người nhà các nạn nhân.

Khoảng tháng 9/2024, S thuê phòng số 101, khách sạn “Khánh Vy” ở hẻm S, đường P, khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (nay là phường H, tỉnh Tây Ninh), tự thành lập “Đội Hiệp Sĩ Minh Sang” gồm các thành viên Lê Phan Hoàng V, Nguyễn Minh S, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Trọng N2, Nguyễn Hoàng Đ do S làm đội trưởng; lập trang facebook tên “ĐỘI HIỆP SĨ MINH SANG đội phòng chống tội phạm mua bán người quốc tế (Hiệp sĩ minh sang)” để đăng hình ảnh, bài viết giải cứu các nạn nhân từ Campuchia về Việt Nam nhằm tạo lòng tin để người nhà các nạn nhân tìm đến nhờ giải cứu người thân bị bán sang Campuchia.

Quá trình điều tra chứng minh được bằng thủ đoạn trên, S đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 04 bị hại gồm:

1. Bị hại Võ Thanh L: ngày 24/11/2024, anh Võ Thanh L liên hệ với S nhờ giải cứu em ruột là Võ Thanh L2 đang bị giữ tại Campuchia với yêu cầu tiền chuộc là 180.000.000 đồng. S yêu cầu anh L đưa 180.000.000 đồng cho S để chuộc người về trong vòng 01 ngày. Sáng ngày 25/11/2024, anh L gặp S và đưa 180.000.000 đồng. S thuê 01 xe ô tô chở anh L đến khu vực Cửa khẩu quốc tế M thuộc ấp T, xã B, tỉnh Tây Ninh và nói dối là chờ S giải cứu anh L2 đưa về Việt Nam qua cửa khẩu này. Sau đó, S chặn liên lạc và không trả lại số tiền này cho anh Võ Thanh L. Cùng ngày, anh L2 đã tự trốn thoát khỏi nơi bị giam giữ tại Campuchia và nhờ lực lượng Công an C1 đưa về biên giới Việt Nam. Ngày 13/8/2025, anh L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tố cáo hành vi của S.

2. Bị hại Bạch Thị H1: ngày 15/12/2024, bà Bạch Thị H1 liên hệ với S nhờ giải cứu con trai là anh Đặng Khánh L3 bị bán qua Campuchia với yêu cầu tiền chuộc là 210.000.000 đồng. Cùng ngày, bà H1 gặp S tại khách sạn K và đưa trước số tiền 100.000.000 đồng, S thoả thuận trong vòng 01 tháng nếu không tìm được sẽ hoàn trả lại tiền. Sau 01 tháng không có thông tin của anh L3 nên bà H1 nhiều lần đòi lại tiền, S đã hoàn trả lại cho bà H1 50.000.000 đồng vào ngày 23/01/2025 và 10.000.000 đồng vào ngày 28/02/2025. Sau đó S chặn liên lạc không trả lại 40.000.000 đồng còn lại. Ngày 04/8/2025, bà H1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tố cáo hành vi của S.

3. Bị hại Võ Thiên S1 và Lê Thị D: ngày 22/02/2025, vợ chồng ông Võ Thiên S1 và bà Lê Thị D liên hệ với S nhờ giải cứu con trai là anh Võ Quốc B1 bị bán qua Campuchia với yêu cầu tiền chuộc là 150.000.000 đồng. Sáng ngày 23/02/2025, S kêu ông S1, bà D đưa trước cho S số tiền 20.000.000 đồng là chi phí tìm kiếm anh B1. Ngày 25/02/2025, S hẹn gặp ông S1, bà D tại khách sạn “Khánh Vy” và kêu chuyển số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản số 8890755697, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 (B2) của anh Trần Quang N1 (là tài xế xe ô tô dịch vụ S thường thuê đi công việc). Sau khi nhận được tiền, S kêu vợ chồng ông S1, bà D đợi nhưng vẫn không có thông tin từ anh B1.

Đến ngày 01/3/2025, S đưa ra lý do cần chi phí đưa anh B1 về Việt Nam, nên gọi điện cho bà D yêu cầu chuyển thêm 120.000.000 đồng. Bà D kêu em ruột là Lê Văn P1 chuyển cho S số tiền 120.000.000 đồng vào tài khoản số 8890755697 của anh Trần Quang N1. Ngoài ra, từ ngày 07/3/2025 đến ngày 30/3/2025, S nhiều lần kêu bà D đưa tiền cho S để làm chi phí thuê xe, ăn uống, đền hợp đồng lao động của anh B1 tại Campuchia với số tiền 90.000.000 đồng. Tổng số tiền S đã nhận của ông S1, bà D là 430.000.000 đồng, sau đó S chặn liên lạc và không trả tiền cho ông S1, bà D. Ngày 18/5/2025, ông S1, bà D đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tố cáo hành vi của S.

4. Bị hại Lê Vũ N: Khoảng đầu tháng 4/2025, anh Lê Vũ N liên hệ với S để nhờ giải cứu em gái là Lê Thị Mộng C bị Công an C1 bắt giữ vì vi phạm pháp luật. S yêu cầu anh N chuẩn bị 220.000.000 đồng và hứa sẽ lo cho C về Việt Nam. Sau đó, anh N giao tiền cho S tổng cộng 03 lần: ngày 24/4/2025, giao tiền mặt trực tiếp cho S là 100.000.000 đồng; ngày 27/4/2025 chuyển vào số tài khoản 0376741507, Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (M1) của chị Nguyễn Hồng T số tiền 10.000.000 đồng; ngày 30/4/2025, đưa tiền cho S là 110.000.000 đồng. Tổng số tiền S đã nhận từ anh N là 220.000.000 đồng. Sau đó anh N nhiều lần liên hệ với S về việc giải cứu nhưng S không cung cấp được thông tin về chị C và không trả lại tiền cho anh N. Đến ngày 05/8/2025, ông N đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tố cáo hành vi của S.

* Kết luận giám định số 3131/KL-KTHS ngày 14/01/2026 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận: chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Minh S trên “GIẤY TIẾP NHẬN ĐÓN CÔNG DÂN VIỆT NAM BÊN CAMPUCHIA VỀ VIỆT NAM” mà S viết cho bà Bạch Thị H1, “Giấy cam kết nhận tiền” mà S viết cho anh Lê Vũ N, “Giấy cam kết dúp đỡ người từ Cam bu chia về Việt Nam” mà S viết cho bà Lê Thị D với chữ ký, chữ viết trong “BẢN TỰ KHAI/BẢN TƯỜNG TRÌNH” của Nguyễn Minh S ngày 03/02/2025 và “BIÊN BẢN GHI LỜI KHAI” của Nguyễn Minh S ngày 03/02/2025 do cùng 01 người ký và viết ra.

Tại bản Cáo trạng số 107/CT-VKSTN-P2 ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử bị cáo Nguyễn Minh S về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Nguyễn Minh S thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng truy tố và xác định bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng, không oan, bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo đồng ý hoàn trả lại các số tiền chiếm đoạt của các bị hại.

Các bị hại có mặt trình bày: Về trách nhiệm dân sự đề nghị bị cáo hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt; về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử theo quy định pháp luật. Riêng bà H1 đã nhận lại số tiền 60.000.000 đồng do bị cáo hoàn trả nên bà H1 yêu cầu bị cáo tiếp tục hoàn trả số tiền 40.000.000 đồng.

Đại diện Ngân hàng TMCP V1 chi nhánh Thành phố H trình bày: Tài sản Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã thu giữ là xe ô tô biển số 70A-451.78 là tài sản đứng tên bà Nguyễn Hồng T, hiện đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP V1 chi nhánh Thành phố H theo hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp cùng số LN2310130553941 và cùng ngày 21/10/2023, số tiền vay 499.800.000 đồng. Hiện nay, bà T đã vi phạm nghĩa vụ 18 kỳ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu được giao xe ô tô nêu trên cho Ngân hàng Q1 để xử lý nợ theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm luận tội:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra thể hiện trong hồ sơ vụ án. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo S về hành vi chiếm đoạt số tiền 930.000.000 đồng của các bị hại.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục một phần hậu quả là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b và s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo Nguyễn Minh S có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự. Nhưng với tính chất mức độ của hành vi phạm tội và hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Minh S từ 13 năm đến 15 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1, Điều 589 Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả cho các bị hại số tiền đã chiếm đoạt theo yêu cầu của các bị hại.

- Về vật chứng của vụ án:

+ Đối với các vật chứng gồm: 01 mộc dấu tên Nguyễn Minh S; 01 mộc dấu có chữ “Đội Hiệp Sĩ Minh Sang số điện thoại 0382430589, địa chỉ 45 P, Long Thành T3, H, Tây Ninh”; 30 áo thun màu đen, in logo “Đội Hiệp Sĩ Minh S”; 01 bộ dụng cụ gồm: đèn, chân chống, giá đỡ điện thoại; 01 mô hình súng màu trắng đen đỏ có chữ SHOOTER; 01 mô hình công số 8; 04 cây bút bi màu xanh hiệu Thiên Long; 01 đôi giày hiệu “Công ty 19-5” màu đen Bộ C2; 01 đôi giày hiệu “Giày Việt” màu đen; 01 thùng carton lưu các tài liệu là các mẫu đơn do S soạn là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 02 bộ đàm hiệu Motorola màu đen, 01 điện thoại di động Samsung màu xanh, 01 điện thoại di động Galaxy A34, 01 laptop hiệu DELL, màu đen của bị cáo: qua kiểm tra là phương tiện điện tử mà bị cáo dùng để đăng thông tin giải cứu lên zalo, facebook nhằm tạo uy tín thực hiện thủ đoạn gian dối nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

+ Đối với xe ô tô nhãn hiệu MG5, biển số 70A-451.78 là xe do chị Nguyễn Hồng T (vợ S) đứng tên chủ sở hữu, không biết việc S sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần trả lại cho chị T. Tuy nhiên, xe này hiện đang bị Ngân hàng giữ Giấy đăng ký chứng nhận do chưa trả góp xong, chưa phải do chị T đứng tên sở hữu hoàn toàn nhưng chị T được giao quản lý, sử dụng trên thực tế nên việc tuyên trả xe cho chị T là phù hợp còn việc tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán giữa chị T và Ngân hàng là quan hệ dân sự sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự nếu các bên có yêu cầu.

+ Đối với 04 điện thoại di động thu của Nguyễn Minh T2, Nguyễn Trọng N2, Lê Phan Hoàng V, Nguyễn Hoàng Đ: qua làm việc xác định các đối tượng không có vai trò đồng phạm với bị cáo hành vi phạm tội của Nguyễn Minh S, các điện thoại này chỉ sử dụng để nhận tin nhắn trên nhóm zalo do S tạo ra nên cần tuyên trả lại cho 04 người này.

+ Đối với bộ Q2 có tên Nguyễn Trọng N2: qua điều tra xác định N2 không sử dụng thực hiện hoạt động liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo S nên cần tuyên trả lại cho N2.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Luật sư thống nhất với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn trả 01 phần số tiền chiếm đoạt; bản thân bị cáo trước khi phạm tội cũng từng tham gia hỗ trợ lực lượng Công an trong việc phòng, chống tội phạm. Đề nghị xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b và s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Mặc dù không có khả năng thực hiện việc giải cứu các nạn nhân bị bán sang Campuchia nhưng vì cần tiền tiêu xài nên Nguyễn Minh S đã tự

thành lập “Đ2”, thuê phòng số 101, khách sạn K ở hẻm S, đường P, khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (nay là phường H, tỉnh Tây Ninh) làm văn phòng làm việc, sử dụng tài khoản mạng xã hội facebook tên “ĐỘI HIỆP SĨ MINH SANG PCTP MUA BÁN NGƯỜI QUỐC TẾ” đăng tải hình ảnh, thông tin giải cứu được những người bị bán sang Campuchia để người nhà các nạn nhân tin tưởng giao tiền cho S nhờ giải cứu người thân, sau đó chặn liên lạc và chiếm đoạt số tiền này. Từ tháng 9/2024 đến tháng 4/2025, với thủ đoạn trên, S đã chiếm đoạt tổng số tiền 930.000.000 đồng của 04 bị hại gồm: anh Võ Thanh L với số tiền 180.000.000 đồng, bà Bạch Thị H1 với số tiền 100.000.000 đồng, ông Võ Thiên S1 và bà Lê Thị D với số tiền 430.000.000 đồng, anh Lê Vũ N với số tiền 220.000.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo Nguyễn Minh S là rất nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo S đủ khả năng nhận thức và đủ năng lực hành vi để thực hiện hành vi dùng thủ đoạn gian dối làm cho bị hại tin giả là thật nên giao tài sản cho bị cáo. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo cũng thừa biết tài sản của bị hại là do công sức lao động làm ra nhưng vì động cơ, mục đích vụ lợi muốn có tiền tiêu xài và trả nợ nên bị cáo S dùng thủ đoạn gian dối tự cho rằng có khả năng giải cứu những người bị cưỡng bức lao động tại Campuchia về Việt Nam để nhận tiền từ các bị hại với sự hứa hẹn giải cứu người thân của các bị hại về Việt Nam nhưng bị cáo đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo Nguyễn Minh S có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo đã có hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của các bị hại được Hội đồng xét xử xem xét với tổng số tiền là 930.000.000 đồng là trên 500.000.000 đồng nên Cáo trạng số 107/CT-VKSTN-P2 ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh S về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo.

[4] Xét cần phải xử lý bị cáo bằng một hình phạt thỏa đáng, buộc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có thể giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội nhiều lần đối với nhiều bị hại và số tiền mỗi lần chiếm đoạt đều trên 2.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã hoàn trả cho bị hại H1 01 phần tiền chiếm đoạt là 60.000.000 đồng, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b và s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, với tính chất mức độ của hành vi phạm tội và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử cần cách ly bị cáo S ra khỏi xã hội một thời

gian dài nhất định và không áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo S mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và mang tính phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xét thấy, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường, cụ thể: Võ Thanh L yêu cầu bồi thường 180.000.000 đồng, bị hại Bạch Thị H1 yêu cầu bồi thường 40.000.000 đồng, bị hại Võ Thiên S1 và Lê Thị D yêu cầu bồi thường 430.000.000 đồng, bị hại Lê Vũ N yêu cầu bồi thường 220.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Minh S đồng ý bồi thường nên được xem xét công nhận.

[7] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; xử lý cụ thể như sau:

[7.1] Đối với 01 xe ô tô biển số 70A-451.78 đứng tên Nguyễn Hồng T là tài sản của bà Nguyễn Hồng T, bị cáo S mượn của bà T để đi lại. Bà T không biết bị cáo S dùng vào việc đi gặp các bị hại, ngoài ra, xe ô tô trên hiện đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP V1 chi nhánh Thành phố H theo hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp cùng số LN2310130553941 và cùng ngày 21/10/2023, số tiền vay 499.800.000 đồng. Hiện nay, bà T đã vi phạm nghĩa vụ 18 kỳ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, bà T đang bị bắt tạm giam trong vụ án khác. Do đó, Ngân hàng yêu cầu được giao xe ô tô nêu trên cho Ngân hàng TMCP V1 chi nhánh Thành phố H quản lý để xử lý nợ theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng TMCP V1.

[7.2] Đối với các vật chứng gồm: 01 mộc dấu tên Nguyễn Minh S; 01 mộc dấu có chữ “Đội Hiệp Sĩ Minh Sang số điện thoại 0382430589, địa chỉ 45 P, Long Thành T3, H, Tây Ninh”; 30 áo thun màu đen, in logo “Đội Hiệp Sĩ Minh S”; 01 bộ dụng cụ gồm: đèn, chân chống, giá đỡ điện thoại; 01 mô hình súng màu trắng đen đỏ có chữ SHOOTER; 01 mô hình công số 8; 04 cây bút bi màu xanh hiệu Thiên Long; 01 đôi giày hiệu “Công ty 19-5” màu đen Bộ C2; 01 đôi giày hiệu “Giày Việt” màu đen; 01 thùng carton lưu các tài liệu là các mẫu đơn do S soạn là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

[7.3] Đối với 02 bộ đàm hiệu Motorola màu đen, 01 điện thoại di động Samsung màu xanh, 01 điện thoại di động Galaxy A34, 01 laptop hiệu DELL, màu đen của bị cáo: qua kiểm tra là phương tiện điện tử mà bị cáo dùng để đăng thông tin giải cứu lên zalo, facebook nhằm tạo uy tín thực hiện thủ đoạn gian dối nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[7.4] Đối với 04 điện thoại di động thu của Nguyễn Minh T2, Nguyễn Trọng N2, Lê Phan Hoàng V, Nguyễn Hoàng Đ: qua làm việc xác định các đối tượng không có vai trò đồng phạm với bị cáo hành vi phạm tội của Nguyễn Minh S, các điện thoại này chỉ sử dụng để nhận tin nhắn trên nhóm zalo do S tạo ra nên cần tuyên trả lại cho 04 người này.

[7.5] Đối với bộ Q2 có tên Nguyễn Trọng N2: qua điều tra xác định N2 không sử dụng thực hiện hoạt động liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo S,

mặt khác N2 từng tham gia nghĩa vụ quân sự nhưng đã xuất ngũ nên cần tuyên trả lại cho N2.

[8] Đối với các đối tượng Lê Phan Hoàng V, Nguyễn Trọng N2, Nguyễn Hoàng Đ và Nguyễn Minh T2 tham gia “Đội Hiệp Sĩ Minh S” nhưng không biết mục đích của S là xây dựng hình ảnh, lực lượng để tạo uy tín, không tham gia vào quá trình S gặp mặt, thỏa thuận và chiếm đoạt tiền của các bị hại nên không xem xét trách nhiệm hình sự trong vụ án. Tuy nhiên, Lê Phan Hoàng V có hành vi mua và sử dụng trang phục Công an nhân dân không đúng quy định nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã chuyển hồ sơ đến Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội ban hành Quyết định xử phạt hành chính theo quy định là có căn cứ.

[9] Đối với chị Nguyễn Hồng T là chủ sở hữu xe ô tô biển số 70A-451.78 không biết việc S sử dụng làm phương tiện đi lại trong quá trình hoạt động của “Đ2” để thực hiện hành vi phạm tội và cũng không biết số tiền S chuyển vào tài khoản số 0376741507 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (M1) của chị T là tiền chiếm đoạt nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T không xem xét xử lý là có căn cứ.

[10] Đối với anh Trần Quang N1 không biết số tiền S chuyển vào tài khoản số 8890755697 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 (B2) của anh N1 là tiền chiếm đoạt nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T không xem xét xử lý là có căn cứ.

[11] Đối với bà Đinh Thị Thúy L1 là chủ khách sạn K không biết S thuê phòng trọ để làm nơi thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T không xem xét xử lý là có căn cứ.

[12] Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a, khoản 4, Điều 174; điểm b và s, khoản 1 và khoản 2, Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh S 14 (Mười bốn) năm tù, thời hạn chấp hành phạt tù kể từ ngày 13/4/2026.

Căn cứ Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Minh S 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để bảo đảm cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả cho các bị hại số

tiền, gồm: ông Võ Thanh L số tiền 180.000.000 đồng; bà Bạch Thị H1 số tiền 40.000.000 đồng; ông Võ Thiên S1 và bà Lê Thị D số tiền 430.000.000 đồng; anh Lê Vũ N với số tiền 220.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về vật chứng:

3.1. Giao 01 xe ô tô biển số 70A-451.78 đứng tên Nguyễn Hồng T cho Ngân hàng TMCP V1 chi nhánh Thành phố H quản lý để đảm bảo xử lý nợ theo theo hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp cùng số LN2310130553941 và cùng ngày 21/10/2023.

3.2. Tịch thu tiêu huỷ: 01 mộc dấu tên Nguyễn Minh S; 01 mộc dấu có chữ “Đội Hiệp Sĩ Minh Sang số điện thoại 0382430589, địa chỉ 45 P, Long Thành T3, H, Tây Ninh”; 30 áo thun màu đen, in logo “Đội Hiệp Sĩ Minh S”; 01 bộ dụng cụ gồm: đèn, chân chống, giá đỡ điện thoại; 01 mô hình súng màu trắng đen đỏ có chữ SHOOTER; 01 mô hình công số 8; 04 cây bút bi màu xanh hiệu Thiên Long; 01 đôi giày hiệu “Công ty 19-5” màu đen Bộ C2; 01 đôi giày hiệu “Giày Việt” màu đen; 01 thùng carton lưu các tài liệu là các mẫu đơn do S soạn.

3.3. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 02 bộ đàm hiệu Motorola màu đen, 01 điện thoại di động Samsung màu xanh, 01 điện thoại di động Galaxy A34, 01 laptop hiệu DELL, màu đen của bị cáo S.

3.4. Hoàn trả tài sản gồm: trả cho Nguyễn Minh T2 01 điện thoại di động Iphone 11 màu đen (đã qua sử dụng) số IMEI 35399791070402093; trả cho Nguyễn Trọng N2 01 điện thoại di động Iphone màu đen (đã qua sử dụng) số IMEI 356574100210560 và 01 bộ Q2 có tên Nguyễn Trọng N2; trả cho Lê Phan Hoàng V 01 điện thoại di động Iphone 14 ProMax (đã qua sử dụng); trả cho Nguyễn Hoàng Đ 01 điện thoại di động Iphone XS Max (đã qua sử dụng) số IMEI 375260098559478.

Tất cả vật chứng và tài sản trên đang được bảo quản tại kho vật chứng của Phòng Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh T.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Minh S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 38.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án xử sơ thẩm công khai. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa

án niệm yết hợp lệ bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

6. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và Điều 36 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTC tại TP.HCM;
- VKSNDTC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Công an tỉnh Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Khánh